

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST  
Ngày: 18 - 5 - 2022  
V/V tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.**

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông: Huỳnh Ngọc Trứ.**

**2. Ông: Tôn Văn Hùng.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.**

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự.

**1/ Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc M, sinh năm 1962; (có mặt)**

**Địa chỉ: Số 02, ấp S, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

**2/ Bị đơn: Ông Mai Thành T, sinh năm 1981; (vắng mặt)**

**Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1984;(vắng mặt)**

**Cùng địa chỉ: Ấp S, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2021, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Ngọc M trình bày: Bà M có cho vợ chồng ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:**

- Ngày 02/12/2019 (Al) bà M cho ông T và bà K vay số tiền là 10.000.000 đồng.**
- Ngày 03/12/2019 (Al) bà M cho ông T và bà K vay số tiền là 2.000.000 đồng.**
- Ngày 05/12/2019 (Al) bà M cho ông T và bà K vay số tiền là 30.000.000 đồng.**
- Ngày 08/12/2019 (Al) bà M cho ông T và bà K vay số tiền là 10.000.000 đồng.**
- Ngày 19/01/2020 (Al) bà M cho ông T và bà K vay số tiền là 455.000.000 đồng.**

Tổng cộng số tiền ông T và bà K vay là 507.000.000 đồng, về lãi suất hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay để chăn nuôi heo và kinh doanh, thời hạn vay hên khi nào bán heo trả tiền vốn và lãi một lần. Sau đó phía ông T và Thoa bán heo không đem tiền trả nên bà M có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T và bà K hên mà không trả. Nay bà M yêu cầu ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng; về lãi suất khi nộp đơn khởi kiện ra Tòa án bà M yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng; tại phiên tòa hôm nay bà M chỉ yêu cầu tính lãi 0,8%/tháng, tính từ ngày vay sau cùng là 19/01/2020 (AI) cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 18/4/2022 (AI) là hơn 26 tháng lãi, nhưng bà M chỉ yêu cầu tính lãi là 26 tháng lãi. Phía bà M không thừa nhận việc bị đơn bà K nói trả đủ số tiền vốn và lãi là 545.083.000 đồng cho bà M, vì bà M cho rằng phía vợ chồng bà K chưa có trả tiền vốn và lãi cho bà M. Đối với biên nhận trả tiền và cam kết ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch) mà phía bà K nộp cho Tòa án bản photo là giấy giả do bà K tự làm; bà M không biết và không có viết câu “tôi có nhận 507.000.000 đồng + lãi” và cũng không có ký tên ghi họ tên vào biên nhận; chữ ký và họ tên Trương Ngọc M là do bà K tự lắp ghép.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ trình bày:* Bà K thừa nhận trước đây vợ chồng bà có vay của bà Trương Ngọc M nhiều lần với tổng số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng. Đến ngày 20/3/2020 (âm lịch) bà đã trả vốn và lãi cho phía bà M với tổng số tiền là 545.083.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 507.000.000 đồng và lãi là 38.083.000 đồng) có làm biên nhận trả tiền và cam kết ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch). Khi trả tiền phía bà K có yêu cầu bà M trả lại 03 biên nhận nợ có chữ ký của vợ chồng bà, nhưng bà M không trả và nói rằng đã đốt ba tờ biên nhận với tổng số tiền 507.000.000 đồng nên không thể trả lại được. Bà M cam kết đã nhận đủ số tiền 545.083.000 đồng và không sử dụng 03 biên nhận nợ này để khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà K phải trả nợ. Đồng thời, bà M cam kết nếu không thực hiện theo cam kết trên sẽ phải bồi thường cho bà K gấp 4 lần số tiền mà bà K đã trả và đồng ý công khai xin lỗi. Việc trả tiền và cam kết nêu trên có lập thành văn bản “Biên nhận trả tiền và cam kết”, bà M có ký tên và ghi họ tên vào văn bản này. Phía bà K không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà M, vì cho rằng đã trả tiền cho bà M theo “Biên nhận trả tiền và cam kết” ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch).

*\* Bị đơn ông Mai Thành T dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K. Xét thấy, bị đơn ông T và bà K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông T và bà K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Ngọc M: yêu cầu phía ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng; về lãi suất bà M chỉ yêu cầu tính lãi 0,8%/tháng, tính từ ngày 19/01/2020 (AI) cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 18/4/2022 (AI) là hơn 26 tháng lãi, nhưng bà M chỉ yêu cầu tính 26 tháng lãi. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà M là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà M xác định phía bà M có cho vợ chồng ông T và bà K vay nhiều lần với tổng số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng. Sau khi cho vay phía bà M có đòi nhiều lần phía vợ chồng ông T và bà K hẹn trả mà không trả kéo dài cho đến nay. Phía bà M cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho ông T và bà K vay tiền cụ thể là 03 biên nhận vay tiền bản gốc do ông T và bà K viết có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận vay tiền. Ngoài ra, phía bà K có lời khai thể hiện trong hồ sơ cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà M nhiều lần tổng cộng số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện trong hồ sơ cho rằng vợ chồng bà có vay của bà Trương Ngọc M nhiều lần với tổng số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng. Đến ngày 20/3/2020 (âm lịch) bà K đã trả vốn và lãi cho phía bà M với tổng số tiền là 545.083.000 đồng (trong đó tiền gốc là 507.000.000 đồng và lãi là 38.083.000 đồng) có làm biên nhận trả tiền và cam kết ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch), bà M có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Xét thấy, lời trình bày này của bà K không được bà M Thừa nhận. Bà M cũng cho rằng đối với biên nhận trả tiền và cam kết ghi ngày 20/3/ 2020 (âm lịch) mà phía bà K nộp cho Tòa án bản photo là giấy giả do bà K tự làm; bà M không biết và không có viết câu “tôi có nhận 507.000.000 đồng + lãi” và cũng không có ký tên ghi họ tên vào biên nhận; chữ ký và họ tên Trương Ngọc M là do bà K tự lắp ghép. Phía bà K chỉ cung cấp cho Tòa án “Biên nhận trả tiền và cam kết” ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch) là bản photo không có công chứng, chứng thực mà không cung cấp được bản gốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, về xác định chứng cứ: Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Cho nên, phía bị đơn bà K chỉ cung cấp cho Tòa án bản photo “Biên nhận trả tiền và cam kết” ghi ngày 20/3/2020 (âm lịch), không được xem là chứng cứ, nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà K cho rằng vợ chồng bà đã trả vốn và lãi cho phía bà M với tổng số tiền là 545.083.000 đồng.

[5] Đối với phía bị đơn ông Mai Thành T dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn

không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông T đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn bà M đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông T và bà K phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông T đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông T đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía ông T và bà K phải có nghĩa vụ trả cho bà M, nên ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Đối với phía bị đơn ông T và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn bà M, nên cần buộc phía bị đơn ông T và bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà M chỉ yêu cầu tính lãi 0,8%/tháng, tính từ ngày 19/01/2020(AI) cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 18/4/2022(AI) là hơn 26 tháng lãi, nhưng bà M chỉ yêu cầu tính 26 tháng lãi. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của phía nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: 507.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 26 tháng lãi thành tiền là 105.456.000 đồng.

[7] Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bà Trương Ngọc M và buộc phía bị đơn ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Ngọc M số tiền là 612.456.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng và lãi là 105.456.000 đồng).

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc M, nên phía bị đơn ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía bà M là 612.456.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên ông T và bà M phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.498.000 đồng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử**

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc M.

Buộc ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Ngọc M số tiền là 612.456.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 507.000.000 đồng và lãi là 105.456.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông T và bà K chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

## 2. Về án phí:

Buộc ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.498.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Trương Ngọc M 13.570.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006933 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trương Ngọc M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Mai Thành T và bà Nguyễn Thị K thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Phan Thanh Sơn**